TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 5 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đặng Hữu Thọ
Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp TH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

-*Bị đơn:* Chị Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp TK, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 07/3/2018 anh Nguyễn Hoàng M trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Hoàng M và chị Phan Thị Ngọc T kết hôn vào ngày 10/4/2000, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị sống tại ấp TH, xã TT, quá trình chung sống đến tháng 3/2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T yêu cầu được đi làm nơi khác, anh không đồng ý. Anh M và chị T sống ly thân nhau từ ngày 20/9/2017 cho đến nay. Nay anh M yêu cầu ly hôn chị T.

- *Về con chung:* Có hai người con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 20/10/2001 và Nguyễn Trọng H, sinh ngày 21/11/2005 hiện đang do anh M nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh M yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ người khác, người khác nợ lại:* Anh M xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn chị Phan Thị Ngọc T:* Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho chị T theo quy định pháp luật nhưng chị T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Phan Thị Ngọc T đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị T vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng M và chị Phan Thị Ngọc T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình của Quốc hội quy định *"Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi ...nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng..."*. Do đó, khi xác lập mối quan hệ hôn nhân anh M và chị T không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 20/10/2001 và Nguyễn Trọng H, sinh ngày 21/11/2005 hiện đang do anh M nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh M yêu cầu được nuôi hai con. Hội đồng xét xử xét thấy tại *"Biên bản V/v ghi ý kiến của con chung"* ngày 12/4/2018 và ngày 07/5/2018 tại Tòa án cháu Trọng H và Trọng N đều có nguyện vọng xin được ở với cha là Nguyễn Hoàng M là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặc khác, chị T cũng không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh M giao hai cháu Trọng H và Trọng N cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng: Anh M không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Anh M xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, các Điều 15, 53, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Nguyễn Hoàng M và chị Phan Thị Ngọc T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung Nguyễn Trọng N (nam), sinh ngày 20/10/2001 và Nguyễn Trọng H (nam), sinh ngày 21/11/2005 cho anh Nguyễn Hoàng M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Chị Phan Thị Ngọc T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Hoàng M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), ngày 07 tháng 3 năm 2018 đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009621 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Biện Thị Nhung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;